

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ TRONG THỨC ĐẨY VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG GIÁO DỤC GIA ĐÌNH - BÀI HỌC THỰC TIỄN CHO VIỆT NAM

DƯƠNG KIM ANH^(*)
PHẠM THỊ THANH DUNG^(**)
ĐỖ THỊ THOM^(***)

Phân loại ngành: Triết học - Chính trị học - Xã hội học

Tóm tắt: Giáo dục gia đình đóng vai trò nền tảng trong sự phát triển toàn diện của trẻ em, và phụ nữ giữ vị trí trung tâm trong quá trình này. Trên thế giới, nhiều quốc gia đã triển khai các chính sách và mô hình hiệu quả nhằm phát huy vai trò của phụ nữ trong giáo dục gia đình, góp phần xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển xã hội bền vững. Sử dụng nguồn số liệu thứ cấp, bài viết tập trung phân tích kinh nghiệm quốc tế tiêu biểu tại các quốc gia như Thụy Điển, Na Uy, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Canada, Ethiopia và Nam Phi trong việc nâng cao năng lực, nhận thức và vị thế xã hội của phụ nữ trong lĩnh vực giáo dục gia đình. Trên cơ sở đó, bài viết rút ra những bài học có giá trị thực tiễn đối với Việt Nam, đặc biệt là trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc. Bài viết đề xuất một số giải pháp khả thi nhằm thúc đẩy vai trò chủ động, tích cực của phụ nữ Việt Nam trong giáo dục con cái, đồng thời kêu gọi sự phối hợp liên ngành giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc hình thành môi trường giáo dục toàn diện cho trẻ em.

Từ khóa: Bài học thực tiễn; Giáo dục gia đình; Kinh nghiệm quốc tế; Vai trò của phụ nữ; Việt Nam.

INTERNATIONAL EXPERIENCES IN PROMOTING THE ROLE OF WOMEN IN FAMILY EDUCATION - IMPLICATIONS FOR VIET NAM

Abstract: Family education plays a fundamental role in the comprehensive development of children, and women hold a central position in this process. In the world, many countries have implemented effective policies and models to promote the role of women in family education, contributing to building a solid foundation for sustainable social development. Using secondary data sources, the paper focuses on analyzing typical international experiences in countries such as Sweden, Norway, Japan, South Korea, the United States, Canada, Ethiopia, and South Africa in improving the capacity, awareness and social status of women in the field of family education. On that basis, the paper draws practical lessons for Vietnam, especially in the context of fundamental and comprehensive innovation in education and building progressive and happy families. The paper proposes feasible solutions to promote the proactive and positive role of Vietnamese women in educating their children, and at the same time calls for interdisciplinary coordination between families, schools and society in forming a comprehensive educational environment for children.

Keywords: Family education; International experience; Practical lesson; Role of women; Vietnam.

(*) Học viện Phụ nữ Việt Nam.

(**) Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

(***) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ngày nhận bài: 08/01/2026; Ngày gửi phản biện: 09/01/2026; Ngày sửa chữa: 03/4/2026; Ngày duyệt đăng bài: 10/4/2026.

1. Đặt vấn đề

Gia đình là tế bào của xã hội, là môi trường đầu tiên, có ảnh hưởng lâu dài đến quá trình hình thành nhân cách, đạo đức và trí tuệ của mỗi con người. Chính vì vậy, giáo dục gia đình (GDGD) đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của trẻ em. Theo Hoàng Thị Giang (2024), GDGD được hiểu là sự tác động của gia đình đối với sự hình thành và phát triển nhân cách của mỗi con người, đặc biệt là trẻ nhỏ trong mối quan hệ với tác động của các môi trường giáo dục khác ngoài gia đình. Theo cách hiểu này, GDGD không chỉ là việc cha mẹ hướng dẫn con học tập, mà còn bao gồm quá trình truyền đạt giá trị đạo đức, lối sống, kỹ năng ứng xử và thói quen sinh hoạt của trẻ nhỏ. Quá trình này không chỉ phụ thuộc vào nhận thức và kỹ năng của cha mẹ, thời gian cha mẹ dành cho con cái, sự sẻ chia và kết nối trong gia đình, mà còn phụ thuộc vào những điều kiện hỗ trợ bên ngoài để cha mẹ có thể thực hiện tốt hơn vai trò “người giáo dục trong gia đình”.

Trong quá trình GDGD, phụ nữ thường giữ vai trò gần gũi và thường xuyên đối với trẻ em, nhất là trong những năm đầu đời. Tuy nhiên, thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong GDGD không nên được hiểu là gia tăng thêm trách nhiệm cho phụ nữ, mà là quá trình tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện vai trò giáo dục trong gia đình một cách chủ động, có năng lực, có nguồn lực và trong quan hệ chia sẻ trách nhiệm với nam giới, nhà trường và cộng đồng. Trên cơ sở đó, bài viết tiếp cận việc phát huy vai trò của phụ nữ trong GDGD theo bốn chiều cạnh: (i) tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện vai trò GDGD trong một môi trường bình đẳng hơn thông qua giảm gánh nặng chăm sóc và giáo dục đơn phương và thúc đẩy chia sẻ trách nhiệm giữa cha và mẹ; (ii) nâng cao nhận thức và kỹ năng làm cha mẹ cho cả phụ nữ và nam giới; (iii) tăng khả năng tiếp cận của phụ nữ với các dịch vụ, mạng lưới và nguồn lực hỗ trợ GDGD; (iv) hỗ trợ phụ nữ cân bằng giữa gia đình và phát triển bản thân.

Trên thế giới, nhiều quốc gia đã nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phát huy vai trò của phụ nữ trong GDGD, từ đó ban hành các chính sách hỗ trợ, nâng cao năng lực và tạo điều kiện thuận lợi để phụ nữ thực hiện tốt chức năng GDGD của mình. Những mô hình thành công ở Thụy Điển, Nhật Bản, Hàn Quốc, Canada, Ethiopia, v.v. không chỉ mang lại hiệu quả trong phát triển nhân lực chất lượng cao mà còn góp phần nâng cao chất lượng sống gia đình và sự phát triển bền vững của xã hội. Đối với Việt Nam, việc học hỏi kinh nghiệm quốc tế là cần thiết nhằm điều chỉnh chính sách, nâng cao nhận thức và tạo ra các điều kiện hỗ trợ phụ nữ trong giáo dục con cái. Bài viết này nhằm mục tiêu phân tích một số kinh nghiệm quốc tế tiêu biểu trong việc thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong GDGD, từ đó rút ra những bài học thực tiễn có thể vận dụng phù hợp vào điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam hiện nay.

Trong khuôn khổ nghiên cứu về thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong GDGD, bài viết lựa chọn một số quốc gia tiêu biểu có sự đa dạng về mô hình chính sách và văn hóa để phân tích kinh nghiệm trong thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong GDGD, bao gồm: Thụy Điển, Na Uy, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Canada; Ethiopia, và Nam Phi.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp (case study) trên cơ sở khai thác và phân tích nguồn tài liệu thứ cấp là văn bản chính sách, báo cáo chính thức của chính phủ, tổ chức quốc tế, tài liệu nghiên cứu học thuật và các tổng quan có liên quan đến GDGD, bình đẳng giới, chính sách gia đình và hỗ trợ làm cha mẹ. Việc lựa chọn 8

quốc gia gồm Thụy Điển, Na Uy, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Canada, Ethiopia, và Nam Phi được thực hiện có chủ đích nhằm bảo đảm tính đại diện vị trí địa lý, trình độ phát triển, bối cảnh văn hóa và cách tiếp cận chính sách. Thụy Điển và Na Uy đại diện cho nhóm quốc gia Bắc Âu có hệ thống phúc lợi xã hội phát triển và chính sách bình đẳng giới, hỗ trợ gia đình tương đối toàn diện; Nhật Bản và Hàn Quốc đại diện cho các quốc gia châu Á hiện đại, có nền tảng văn hóa tương đồng với Việt Nam, đặc biệt là thiết chế xã hội phụ quyền; Hoa Kỳ và Canada đại diện cho các xã hội đa văn hóa và khai phóng; có nền tảng văn hóa đa dạng, trong đó phụ nữ giữ vai trò trung tâm trong GDGD theo hướng cá nhân hóa, tự chủ và khai phóng; Ethiopia và Nam Phi đại diện cho những bối cảnh đang phát triển, có bản sắc văn hóa đậm nét và là nơi có các sáng kiến cộng đồng, giáo dục không chính quy và mạng lưới hỗ trợ phụ nữ đáng chú ý.

Các trường hợp quốc tế được phân tích theo các nội dung chính: bối cảnh đặt ra vấn đề; biện pháp thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong GDGD; một số minh chứng về hiệu quả hoặc chuyển biến; và hàm ý chính sách đối với Việt Nam. Trên cơ sở phân tích này, bài viết không nhằm so sánh toàn diện giữa các quốc gia, mà tập trung nhận diện những kinh nghiệm có giá trị tham khảo, có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, văn hóa và yêu cầu phát triển của Việt Nam hiện nay.

3. Kinh nghiệm thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong GDGD ở một số quốc gia

3.1. Kinh nghiệm của Thụy Điển và Na Uy

Thụy Điển và Na Uy là hai quốc gia Bắc Âu có hệ thống phúc lợi phát triển và định hướng bình đẳng giới khá rõ nét. Tuy nhiên, ngay cả trong những bối cảnh này, thách thức đặt ra vẫn là làm sao để trách nhiệm chăm sóc và giáo dục con cái không tiếp tục dồn lên phụ nữ. Nói cách khác, vấn đề không chỉ là hỗ trợ người mẹ chăm sóc con cái, mà là tạo điều kiện để phụ nữ có thể thực hiện vai trò GDGD trong một cấu trúc chia sẻ trách nhiệm hơn giữa cha và mẹ. Điều này đặc biệt quan trọng vì GDGD không chỉ bao gồm chăm sóc hằng ngày mà còn là quá trình giúp trẻ hình thành thói quen, hành vi và kỹ năng xã hội thông qua tương tác thường xuyên trong gia đình. Ở cả hai nước, chính sách gia đình vì vậy được đặt trong mối liên hệ chặt chẽ với mục tiêu bình đẳng giới, cân bằng công việc - cuộc sống và tăng cường sự tham gia của cả cha và mẹ trong đời sống của trẻ.

Biện pháp nổi bật của Thụy Điển và Na Uy là thiết kế chế độ nghỉ cha mẹ theo hướng đồng trách nhiệm. Năm 1974, Thụy Điển là quốc gia đầu tiên trên thế giới sử dụng cụm từ “nghỉ sinh con cho cha mẹ” thay cho cụm từ “nghỉ thai sản cho mẹ”. Cha và mẹ được hưởng 480 ngày nghỉ phép cho mỗi trẻ và mỗi người có ít nhất 90 ngày không thể chuyển cho người kia. Ba tháng này thường là thời gian tối thiểu mà các ông bố dành riêng cho con cái trong khi các bà mẹ đi làm. Ngoài ra, trong 15 tháng đầu của trẻ, cha mẹ còn có thể sử dụng tối đa 60 “double days”, tức là cùng nghỉ và cùng chăm sóc con trong một ngày (Försäkringskassan, 2025). Ở Na Uy, nghỉ sinh con cho cha mẹ được chia thành phần dành cho mẹ, phần dành cho cha/đôi tác và phần có thể chia sẻ, với tổng thời lượng 49 tuần ở mức bù 100% thu nhập hoặc 59 tuần ở mức bù 80% (Kvande và Bungum, 2025). Song với chế độ nghỉ, Na Uy còn phát triển các hình thức hỗ trợ cha mẹ trực tiếp như “hướng dẫn cha mẹ” (parental guidance) và “tư vấn cha mẹ” (parenting advice) thông qua hệ thống dịch vụ gia đình, hướng đến hỗ trợ cha mẹ trong giao tiếp, xử lý tình huống và thực hành nuôi dạy tích cực, qua đó giúp cha mẹ tự tin hơn trong hành trình đồng hành và giáo dục con cái (Norwegian Directorate for Children, Youth and Family Affairs, n.d.).

Bên cạnh các chính sách thúc đẩy sự đồng trách nhiệm giữa cha và mẹ trong chăm sóc và giáo dục con giai đoạn đầu đời, cả hai quốc gia đều xây dựng hệ thống chính sách

hỗ trợ giáo dục con cái khá toàn diện, bao gồm dịch vụ mầm non với chi phí được chính phủ trợ cấp, giáo dục phổ thông do nhà nước bảo đảm và các cơ chế hỗ trợ cha mẹ khi con ốm (Sweden Sverige, 2025; European Commission, 2025). Những chính sách này không chỉ giảm gánh nặng chăm sóc cho gia đình mà còn tạo điều kiện để cha mẹ, đặc biệt là phụ nữ, có thêm thời gian, nguồn lực và sự ổn định để đồng hành với con trong quá trình giáo dục tại gia đình và ngoài nhà trường.

Các chính sách trên liên quan trực tiếp đến vai trò GDGD của phụ nữ ở ít nhất hai khía cạnh. Thứ nhất, chính sách nghỉ sinh con được thiết kế theo hướng cả cha và mẹ cùng tham gia giúp giảm bớt khuôn mẫu phụ nữ là người duy nhất chịu trách nhiệm đối với quá trình nuôi dạy con. Điều này tạo ra điều kiện quan trọng để vai trò giáo dục của người mẹ không bị đồng nhất với toàn bộ gánh nặng chăm sóc, mà được đặt trong mô hình cha mẹ cùng đồng hành với trẻ. Một số bằng chứng cho thấy các chính sách này đã tạo ra những thay đổi đáng kể so với thực hành gia đình truyền thống. Ở Thụy Điển, các ông bố hiện sử dụng khoảng 30% tổng số ngày nghỉ của cha mẹ có hưởng lương (Sweden Sverige, 2024), còn ở Na Uy, 90% ông bố đã sử dụng ngày nghỉ dành cho cha mẹ trong năm 2022 và 70% nghỉ đúng với hạn ngạch dành cho cha (OECD, 2025), cho thấy cơ chế san sẻ quyền lợi và trách nhiệm cho nam giới có tác dụng thực tế trong việc tăng sự tham gia của cha vào chăm sóc trẻ. Bên cạnh đó, hệ thống giáo dục với chi phí phải chăng đã hỗ trợ cha mẹ quay lại thị trường việc làm và ổn định hơn trong việc tổ chức đời sống gia đình, qua đó tạo điều kiện tốt hơn cho việc đồng hành và giáo dục con cái.

Thứ hai, việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cha mẹ cho thấy các chính sách không chỉ dừng ở việc cho thời gian nghỉ hay hỗ trợ tài chính, mà còn hướng vào việc nâng cao năng lực làm cha mẹ, bao gồm kỹ năng giao tiếp, định hướng hành vi và xây dựng quan hệ tích cực với trẻ. Chính điểm này làm cho các chính sách gia đình ở Thụy Điển và Na Uy có ý nghĩa trực tiếp đối với GDGD, chứ không chỉ là chính sách phúc lợi xã hội theo nghĩa hẹp.

Tuy nhiên, mặc dù Thụy Điển và Na Uy đã thiết kế nhiều chính sách nhằm thúc đẩy sự chia sẻ trách nhiệm giữa cha và mẹ, thực tiễn cho thấy vai trò của phụ nữ trong giáo dục con cái vẫn nổi bật hơn. Ở Thụy Điển, phụ nữ sau khi có con có xu hướng làm việc bán thời gian nhiều hơn nam giới (Sweden Sverige, 2024); trong khi tại Na Uy, các bà mẹ vẫn là người sử dụng số ngày nghỉ được hưởng lương và không hưởng lương nhiều hơn các ông bố (Kvande & Bungum, 2025). Một số nghiên cứu cũng chỉ ra rằng người mẹ thường được nhìn nhận là gần gũi, ấm áp hơn người cha (Putnick et al., 2012) và có xu hướng chủ động hơn trong việc tìm kiếm thông tin, kỹ năng liên quan đến làm cha mẹ trong môi trường số (Glatz et al., 2023). Điều này cho thấy ngay cả trong các xã hội có mức độ bình đẳng giới cao, chính sách dù tiên bộ vẫn chưa hoàn toàn xóa bỏ sự phân công vai trò theo giới trong thực hành giáo dục con cái ở gia đình.

Kinh nghiệm của Thụy Điển và Na Uy cho thấy thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong GDGD không nên được hiểu là tăng thêm trách nhiệm cho người mẹ, mà là xây dựng một hệ thống chính sách giúp phụ nữ thực hiện vai trò này trong điều kiện bình đẳng hơn thông qua thể chế hóa việc chia sẻ trách nhiệm giữa cha và mẹ và ban hành các chính sách công giúp cha mẹ có thời gian thực sự để hiện diện cùng trẻ. Song song với đó, việc thiết kế các hình thức hỗ trợ trực tiếp nhằm nâng cao năng lực làm cha mẹ và chất lượng tương tác trong gia đình cũng đóng vai trò quan trọng đối với chất lượng GDGD.

3.2. Kinh nghiệm của Nhật Bản và Hàn Quốc

Ở các nước châu Á nói chung, trong đó có Nhật Bản và Hàn Quốc chịu ảnh hưởng lớn của tư tưởng Nho giáo. Theo đó, phụ nữ bị bó buộc bởi trách nhiệm đối với gia đình như phục vụ gia đình, làm việc nhà, “giữ lửa”, hoàn thành tốt vai trò làm mẹ và làm người

chăm sóc gia đình (Gao, 2023). Chính những tư tưởng này làm hạn chế cơ hội phát triển trong xã hội của phụ nữ, đồng thời cũng tạo ra một nghịch lý rằng phụ nữ gánh vác phần lớn vai trò làm mẹ và giáo dục con cái trong khi lại bị hạn chế các cơ hội tiếp thu kiến thức, phát triển nghề nghiệp cũng như khẳng định vị thế trong xã hội. Trên thực tế, giáo dục con cái đòi hỏi cần có kỹ năng, kiến thức. Điều này đồng nghĩa với việc nếu phụ nữ muốn làm tốt vai trò của mình trong giáo dục con cái thì cần phải được tiếp cận thêm các cơ hội phát triển bản thân.

Nhật Bản và Hàn Quốc đã có những tiến bộ trong việc thúc đẩy các phong trào nữ quyền; địa vị của phụ nữ tăng lên nhờ dân chủ và giáo dục. Tuy nhiên, chế độ gia trưởng phong kiến và tư tưởng Nho giáo vẫn hạn chế phụ nữ ở hai quốc gia (Gao, 2023). Tác động của chế độ gia trưởng Nho giáo đặc biệt rõ ràng khi xem xét vai trò của phụ nữ với tư cách là người chăm sóc trong gia đình Hàn Quốc và Nhật Bản. Mặc dù phụ nữ tham gia ngày càng nhiều hơn vào công việc được trả lương, việc chăm sóc trẻ em chủ yếu được coi là công việc của người mẹ, vì quan niệm truyền thống về vai trò của phụ nữ đã kết hôn là “người vợ tốt và người mẹ khôn ngoan” vẫn còn tồn tại (Choi, 1994). Trong bối cảnh đó, chính sách của hai quốc gia đã có nhiều đổi mới nhằm dần xóa bỏ những tư tưởng mang tính định kiến này, giúp công việc giáo dục con cái không còn là gánh nặng đơn phương đối với phụ nữ.

Tại Nhật Bản, Chính phủ công nhận hỗ trợ chăm sóc trẻ em là vấn đề của toàn xã hội và đưa ra các biện pháp cần thực hiện, bao gồm việc thiết lập các chính sách đa dạng nhằm hỗ trợ chăm sóc trẻ em. Nhật Bản nỗ lực khắc phục định kiến về vai trò giới trong gia đình, cộng đồng và xã hội bằng cách thay đổi nhận thức về bình đẳng giới thông qua giáo dục nhà trường, xã hội và gia đình. Trong GDGD, sự tham gia của người cha được thúc đẩy thông qua việc chính phủ hỗ trợ tài chính cho các tổ chức công tại địa phương tổ chức các buổi chia sẻ tại nơi làm việc. Đối với người mẹ, Nhật Bản nỗ lực tăng cường các cơ hội học tập suốt đời cho họ bằng cách đa dạng hóa khả năng tiếp cận giáo dục đại học, thúc đẩy GDGD; thúc đẩy hoạt động xã hội của phụ nữ thông qua các chương trình tình nguyện, đào tạo các tổ chức phụ nữ, tăng cường các hoạt động của Trung tâm Giáo dục Phụ nữ Quốc gia (Ministry of Foreign Affairs of Japan, n.d.).

Tại Hàn Quốc, nhiều sáng kiến đã được áp dụng nhằm hỗ trợ cân bằng giữa vai trò xã hội và vai trò gia đình của phụ nữ (và cả nam giới) như Chương trình Quản lý Thân thiện nhất với gia đình, trong đó chính phủ chứng nhận các công ty thân thiện với gia đình nhất qua việc thúc đẩy sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống của nhân viên; Chiến dịch Ngày gia đình để khuyến khích nhân viên hoàn thành công việc trước hạn ít nhất một ngày một tuần để có thể dành thời gian cho gia đình; Chiến dịch Tháng của cha khuyến khích nam giới nghỉ phép chăm con và được hưởng toàn bộ lương thay vì 40% mức lương bình thường trong tháng đầu tiên nghỉ phép. Trung tâm dành cho các bà mẹ và ông bố đi làm được mở cửa và vận hành để cung cấp các khóa học giáo dục, tư vấn và các dịch vụ gia đình khác. Trung tâm Tái tuyển dụng Phụ nữ cung cấp các dịch vụ nghề nghiệp toàn diện bao gồm tư vấn nghề nghiệp phù hợp, đào tạo nghề, thực tập, kết nối việc làm và quản lý sau khi nghỉ việc (Ministry of Foreign Affairs of Republic of Korea, 2015). Các trung tâm này đóng vai trò quan trọng trong việc đưa phụ nữ trở lại làm việc, đặc biệt là sau khi nuôi con. Bên cạnh đó, Hàn Quốc cũng đẩy mạnh các hoạt động truyền thông xã hội như “Triển lãm ảnh chăm con của bố” (Dad’s Childcare Photo Exhibition) hay “Cuộc thi cùng nuôi dạy con” (Shared Parenting Contest) để khuyến khích hình ảnh cha mẹ cùng nuôi dạy con, qua đó từng bước thay đổi quan niệm rằng giáo dục con cái chủ yếu là trách nhiệm của người mẹ (Ministry of Gender Equality and Family, 2024).

Kết quả từ các sáng kiến tại Nhật Bản và Hàn Quốc cho thấy những thay đổi đáng chú ý. Ở Nhật Bản, tỉ lệ lao động nam trong khu vực tư nhân nghỉ chăm con tăng từ 7% năm 2019 lên 14% năm 2021 (Gender Equality Bureau Cabinet Office - Government of Japan, 2024); đồng thời, tỉ lệ việc làm của phụ nữ 25-44 tuổi tăng từ 64,0% năm 2005 lên 77,7% năm 2019 (Cabinet Office - Government of Japan, 2021), cho thấy các nỗ lực đã góp phần tăng cường trách nhiệm của nam giới trong chăm sóc con cái và tạo điều kiện để phụ nữ duy trì vị thế xã hội và kinh tế tốt hơn. Ở Hàn Quốc, số lượng doanh nghiệp thân thiện với gia đình đã tăng từ 5.911 năm 2023 lên 6.971 năm 2025 (Ministry of Gender Equality and Family, n.d).

Có thể thấy, dù lựa chọn công cụ chính sách không hoàn toàn giống nhau, cả Nhật Bản và Hàn Quốc đều đang nỗ lực giải quyết cùng một vấn đề: làm thế nào để giảm bớt định kiến về vai trò chăm sóc con cái, giảm bớt gánh nặng trong GDGD và tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt vai trò giáo dục con cái mà không bị tách khỏi các cơ hội phát triển bản thân. Những kinh nghiệm này cho thấy, trong các xã hội châu Á còn chịu ảnh hưởng mạnh của chuẩn mực giới truyền thống, việc thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong GDGD sẽ hiệu quả hơn khi được triển khai đồng thời ở cả hai cấp độ: thay đổi khuôn mẫu xã hội và tăng cường năng lực cho phụ nữ ở cả vai trò người mẹ và người tham gia thị trường lao động.

3.3. Kinh nghiệm của Mỹ và Canada

Tại Mỹ và Canada, vai trò của người mẹ trong GDGD không chỉ được xem là trách nhiệm cá nhân, mà còn là một nguồn lực xã hội cần được hỗ trợ và phát huy. Người mẹ được nhìn nhận như “đồng minh” quan trọng của nhà trường và cộng đồng trong bảo đảm quyền được giáo dục, chăm sóc và phát triển toàn diện của trẻ.

Một hướng hỗ trợ nổi bật là các chương trình cộng đồng nâng cao kỹ năng nuôi dạy con cho các bà mẹ. Tiêu biểu là chương trình HIPPY - mô hình hướng dẫn cha mẹ giáo dục trẻ mầm non tại nhà, được triển khai ở cả Mỹ và Canada. Chương trình cung cấp dịch vụ thăm nhà, tài liệu học tập và hướng dẫn phụ huynh hỗ trợ trẻ phát triển ngôn ngữ, nhận thức và kỹ năng tiền học đường thông qua hoạt động chơi - học hằng ngày. HIPPY không chỉ giúp trẻ chuẩn bị tốt hơn khi vào lớp Một, mà còn tăng sự gắn kết mẹ con và củng cố sự tự tin của người mẹ trong GDGD.

Kết quả từ HIPPY cho thấy, trẻ tham gia có xu hướng phát triển tốt hơn về nhận thức và ngôn ngữ khi vào tiểu học; các bà mẹ giảm cảm giác cô lập, nâng cao kỹ năng làm cha mẹ và tham gia tích cực hơn vào nhà trường, cộng đồng. Tương tự, chương trình Parents as Teachers (PAT) tại Hoa Kỳ hỗ trợ phụ huynh hiểu các giai đoạn phát triển của trẻ, áp dụng phương pháp nuôi dạy tích cực và xây dựng môi trường học tập tại nhà. Các bà mẹ tham gia PAT có xu hướng đọc sách cho con thường xuyên hơn, gần gũi hơn với quá trình học tập của con ở trường, qua đó phát huy tốt hơn vai trò “người thầy tại gia”. Bên cạnh các chương trình thăm nhà, trung tâm gia đình, thư viện cộng đồng, hội phụ huynh - giáo viên như PTA ở Mỹ và các hội phụ huynh tại Canada cũng góp phần kết nối gia đình với nhà trường. Thông qua các hoạt động đọc sách, lớp học nuôi dạy con, trao đổi với giáo viên và hoạt động tình nguyện, nhiều bà mẹ được trang bị kỹ năng, chia sẻ kinh nghiệm và tham gia sâu hơn vào giáo dục trẻ. Đây là biểu hiện rõ nét của văn hóa giáo dục Bắc Mỹ, coi sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng là điều kiện quan trọng để phát triển toàn diện học sinh.

Truyền thông đại chúng tại Hoa Kỳ và Canada cũng tích cực khuyến khích vai trò giáo dục của người mẹ. Các chiến dịch truyền thông, chương trình giáo dục như Sesame Street, báo chí, tạp chí và chuyên trang nuôi dạy con thường xuyên tuyên truyền việc cha mẹ đọc sách, trò chuyện, chơi cùng con và đồng hành trong học tập. Những thông điệp

này góp phần hình thành văn hóa xã hội đề cao trách nhiệm, tình yêu thương và sự đầu tư của người mẹ đối với giáo dục con cái. Trong kỷ nguyên số, mạng xã hội trở thành công cụ quan trọng hỗ trợ các bà mẹ. Khoảng 75% phụ huynh Hoa Kỳ sử dụng mạng xã hội; trong đó các bà mẹ đặc biệt tích cực tìm kiếm lời khuyên, chia sẻ kinh nghiệm và nhận hỗ trợ trực tuyến. Các nhóm mẹ trên Facebook, diễn đàn cha mẹ, kênh YouTube nuôi dạy con trở thành “lớp học làm cha mẹ” không chính thức, giúp phụ nữ, nhất là người lần đầu làm mẹ, giảm cô đơn, tăng tự tin và học hỏi kinh nghiệm thực tế. Xu hướng này cũng phổ biến tại Canada.

Ngoài ra, các tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế và hội phụ huynh cấp quốc gia cũng thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong GDGD thông qua đào tạo kỹ năng làm cha mẹ, hỗ trợ nhóm phụ nữ khó khăn, phát hành tài liệu, tổ chức hội thảo và vận động chính sách. Thông điệp của UNICEF rằng “nuôi dạy con cũng cần được học” nhấn mạnh: yêu thương con là bản năng, nhưng nuôi dạy con hiệu quả cần tri thức và kỹ năng.

Kinh nghiệm của Mỹ và Canada cho thấy vai trò GDGD của người mẹ cần được nhìn nhận như một nguồn lực xã hội quan trọng, không chỉ là trách nhiệm riêng tư của phụ nữ. Khi người mẹ được hỗ trợ bằng tri thức, kỹ năng, mạng lưới cộng đồng, truyền thông tích cực và chính sách phù hợp, họ có thể phát huy hiệu quả hơn vai trò giáo dục con cái; qua đó góp phần xây dựng môi trường giáo dục sớm lành mạnh, gắn kết gia đình, nhà trường và cộng đồng trong phát triển thế hệ tương lai.

3.4. Kinh nghiệm của Ethiopia và Nam Phi

Ethiopia và Nam Phi đều cho thấy vai trò đặc biệt quan trọng của phụ nữ, nhất là người mẹ, trong GDGD. Dù có bối cảnh lịch sử, văn hóa và xã hội khác nhau, cả hai quốc gia đều coi người mẹ là chủ thể trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục nhân cách, truyền thụ giá trị đạo đức, văn hóa và tinh thần cộng đồng cho trẻ em.

Ở Ethiopia, người mẹ giữ vai trò trung tâm trong việc giáo dục con về đạo đức, tôn giáo, lễ nghĩa, kỹ năng sống và trách nhiệm với gia đình, cộng đồng. GDGD thường được thực hiện thông qua lời dạy hằng ngày, truyện dân gian, hát ru, nghi lễ tôn giáo và lao động gia đình. Trẻ em được mẹ hướng dẫn tham gia việc nhà, sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, qua đó hình thành ý thức lao động, tính chăm chỉ, sự kiên trì và trách nhiệm.

Ở Nam Phi, đặc biệt trong bối cảnh hậu Apartheid và những tác động của HIV/AIDS, phụ nữ thường là trụ cột gia đình, vừa chăm sóc, vừa lao động kinh tế, vừa giáo dục con cái. GDGD chịu ảnh hưởng sâu sắc của triết lý Ubuntu, đề cao tình yêu thương, sự sẻ chia, tôn trọng và trách nhiệm với cộng đồng. Các bà mẹ còn giáo dục con về lịch sử đấu tranh chống bất công, chống phân biệt chủng tộc, từ đó bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, ý thức bình đẳng và trách nhiệm xã hội.

Nhằm nâng cao vai trò của phụ nữ trong GDGD, Ethiopia và Nam Phi đều đã triển khai nhiều chương trình, hoạt động hỗ trợ cụ thể. Tại Ethiopia, các dự án phát triển cộng đồng chú trọng tổ chức các lớp xóa mù chữ, tập huấn kỹ năng làm cha mẹ và nâng cao năng lực cho phụ nữ nông thôn. Những chương trình này giúp phụ nữ cải thiện trình độ, nâng cao hiểu biết về chăm sóc, giáo dục trẻ em và có khả năng hỗ trợ con học tập tốt hơn. Đồng thời, các chiến dịch vận động cộng đồng khuyến khích gia đình cho trẻ em gái đến trường cũng nhấn mạnh vai trò của người mẹ trong việc tạo động lực, thay đổi nhận thức và bảo vệ quyền học tập của con gái. Giáo dục vì vậy không chỉ giúp phụ nữ có thêm tri thức, kỹ năng và sự tự tin, mà còn góp phần thay đổi quan niệm về hôn nhân, tuổi kết hôn, vai trò làm mẹ và quyền tự chủ cá nhân.

Tại Nam Phi, nhiều chương trình hỗ trợ phụ nữ và gia đình đã được triển khai theo hướng thiết thực, gắn với các vấn đề xã hội cụ thể. Chương trình Mother-to-Mother tạo mạng lưới để các bà mẹ hỗ trợ lẫn nhau trong chăm sóc trẻ em, đặc biệt là trẻ chịu ảnh hưởng

bởi HIV/AIDS, đồng thời nâng cao nhận thức về sức khỏe, phòng chống bệnh tật và chăm sóc gia đình. Bên cạnh đó, chương trình Parenting for Lifelong Health do WHO và UNICEF khởi xướng cung cấp các khóa đào tạo kỹ năng làm cha mẹ, hướng tới giảm bạo lực gia đình, tăng cường giao tiếp tích cực và xây dựng môi trường nuôi dạy trẻ an toàn, lành mạnh. Ở các đô thị như Cape Town, Johannesburg, nhiều nhóm phụ nữ địa phương còn tổ chức lớp hướng dẫn giáo dục mầm non, chăm sóc trẻ nhỏ và hỗ trợ các bà mẹ trẻ trong cộng đồng.

Nhìn chung, kinh nghiệm của Ethiopia và Nam Phi cho thấy vai trò GDGD của phụ nữ không chỉ dừng lại ở việc chăm sóc, dạy dỗ con cái trong phạm vi gia đình, mà còn gắn với bảo tồn văn hóa, thúc đẩy bình đẳng giới, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phát triển cộng đồng. Khi phụ nữ được tiếp cận giáo dục, được hỗ trợ kỹ năng làm cha mẹ và được thừa nhận đúng mức trong đời sống xã hội, họ có thể trở thành lực lượng quan trọng trong việc xây dựng gia đình bền vững, nuôi dưỡng thế hệ trẻ có trách nhiệm và góp phần thúc đẩy sự phát triển xã hội theo hướng nhân văn, bao trùm và bền vững. Khi phụ nữ được phát huy vai trò trong GDGD, trẻ em không chỉ được hình thành nhân cách, kỹ năng sống và ý thức trách nhiệm, mà còn được nuôi dưỡng bản sắc văn hóa, tinh thần cộng đồng và khả năng thích ứng với những biến động xã hội. Đây là cơ sở quan trọng để củng cố gia đình, bảo tồn truyền thống và thúc đẩy tiến bộ xã hội.

4. Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Nghiên cứu trường hợp từ các quốc gia trên cho thấy, việc thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong GDGD không chỉ phụ thuộc vào nỗ lực cá nhân của người mẹ, mà gắn chặt với hệ thống thể chế, dịch vụ hỗ trợ cha mẹ, chuẩn mực giới trong gia đình và mức độ tham gia của cộng đồng. Các trường hợp nghiên cứu tuy khác nhau về bối cảnh lịch sử, điều kiện kinh tế-xã hội và vị trí địa lý nhưng đều cho thấy một số điểm chung. Thứ nhất, phụ nữ đóng vai trò then chốt trong việc giáo dục con cái và quyết định sự phát triển của trẻ, ngay từ khi trẻ chào đời. Thứ hai, vai trò giới của người mẹ và người cha trong gia đình tuy đã có những chuyển biến nhất định nhưng vẫn còn khá đậm nét ở các bối cảnh. Thứ ba, các biện pháp hỗ trợ thúc đẩy vai trò giáo dục của người mẹ hiện nay rất phong phú, toàn diện, có sự tham gia của chính phủ, các tổ chức xã hội, các công ty và của chính các thành viên trong gia đình. Việc phân tích kinh nghiệm từ các quốc gia không phải nhằm xác định một mô hình để Việt Nam sao chép mà nhằm nhận diện những yếu tố phù hợp có thể giúp Việt Nam củng cố các chính sách và chương trình hiện có, đồng thời khắc phục những khoảng trống trong thực thi.

Bài học thứ nhất: Chuyển từ cách tiếp cận “đề cao vai trò của người mẹ” sang cách tiếp cận “hỗ trợ người mẹ trong GDGD thông qua một hệ thống hỗ trợ gia đình đủ mạnh”. Kinh nghiệm các nước cho thấy, phụ nữ có thể thực hiện tốt hơn vai trò GDGD khi có sự hỗ trợ đồng bộ từ chính sách nghỉ sinh con và chăm con theo hướng đồng trách nhiệm; công cụ hỗ trợ gia đình, trong đó chú trọng đến việc nâng cao quyền năng kinh tế, giáo dục và xã hội cho phụ nữ - những điều kiện tiên quyết để họ có thể phát huy vai trò chủ động trong GDGD; hệ thống chăm sóc, giáo dục trẻ toàn diện, dễ tiếp cận cũng như môi trường lao động thân thiện với gia đình. Điều này cho thấy vai trò GDGD của phụ nữ không nên được hiểu như một “thiên chức”, mà là một vai trò xã hội cần được bảo đảm bằng thời gian, nguồn lực, điều kiện việc làm và dịch vụ hỗ trợ phù hợp. Đối với Việt Nam, bài học này có ý nghĩa ở chỗ không chỉ tiếp tục đề cao vai trò của người mẹ trong gia đình, mà cần củng cố các điều kiện để phụ nữ thực hiện vai trò đó, nhất là trong bối cảnh thời gian nghỉ sinh con của người cha vẫn còn rất ít so với người mẹ cũng như hệ thống nhà trẻ, trường học còn chưa đáp ứng nhu cầu của nhiều bậc cha mẹ, nhất là những người dân nhập cư, người lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Bài học thứ hai: Thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong GDGD phải gắn với chia sẻ trách nhiệm giữa cha và mẹ. Kinh nghiệm của các nước cho thấy thúc đẩy vai trò của phụ nữ không có nghĩa là tiếp tục đặt trách nhiệm chính trong giáo dục con cái lên phụ nữ, mà cần tạo ra cơ chế để nam giới tham gia nhiều hơn vào chăm sóc, giáo dục và đồng hành với trẻ. Điều này có thể được thực hiện thông qua việc thể chế hóa nghỉ sinh con và chăm con theo hướng đồng trách nhiệm như ở Thụy Điển và Na Uy và tăng cường truyền thông hướng tới đối tượng nam giới như ở Nhật Bản và Hàn Quốc. Đây là bài học mà Việt Nam có thể tham khảo, không phải theo hướng sao chép thời lượng nghỉ phép, mà theo hướng học tập cách họ gắn bình đẳng giới với hỗ trợ cha mẹ trong GDGD và coi nam giới cũng là đối tượng truyền thông quan trọng.

Bài học thứ ba: Để tăng tính hiệu quả của các biện pháp, cần kết hợp đồng thời thay đổi chuẩn mực giới với hỗ trợ thực hành trong gia đình. Kinh nghiệm của Thụy Điển và Na Uy cho thấy thể chế hóa trách nhiệm chăm sóc là chưa đủ để xóa bỏ những khoảng cách giới trong thực tiễn. Trong bối cảnh tư tưởng “trọng nam khinh nữ” và phân công lao động theo giới truyền thống vẫn còn tồn tại tại Việt Nam, truyền thông về bình đẳng giới vẫn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Tuy nhiên, truyền thông cần được chuyển từ các thông điệp chung sang các nội dung gần với thực tiễn như cha mẹ cùng tham gia chăm sóc, dạy con; chia sẻ cảm xúc; hướng dẫn kỹ năng sống; bảo vệ trẻ em trên môi trường số và giáo dục không bạo lực. Việc lan tỏa hình ảnh người phụ nữ hiện đại, chủ động, có tri thức, vừa làm mẹ vừa tham gia đời sống xã hội cần đi cùng với hình ảnh người đàn ông trách nhiệm, thấu cảm và sẵn sàng chia sẻ việc nhà, chăm sóc, giáo dục con cái.

Bài học thứ tư: Các sáng kiến cộng đồng và mô hình linh hoạt có ý nghĩa đặc biệt trong những bối cảnh nguồn lực hạn chế hoặc đa dạng về văn hóa - xã hội. Kinh nghiệm từ một số nước châu Mỹ và châu Phi cho thấy vai trò của phụ nữ trong GDGD có thể được tăng cường không chỉ thông qua chính sách quốc gia, mà còn qua các mô hình cộng đồng, mạng lưới hỗ trợ cha mẹ và các chương trình nâng cao năng lực làm cha mẹ. Hiệu quả của các mô hình này nằm ở khả năng tiếp cận gần gũi với đời sống hằng ngày của gia đình, khả năng thích ứng với điều kiện văn hóa - ngôn ngữ địa phương, và khả năng huy động phụ nữ như những chủ thể tích cực của thay đổi. Đối với Việt Nam, bài học này đặc biệt phù hợp trong bối cảnh có sự khác biệt lớn giữa đô thị và nông thôn, đồng bằng và miền núi, nhóm phụ nữ làm việc trong khu vực chính thức và phi chính thức, nhóm phụ nữ dân tộc đa số và dân tộc thiểu số. Việc thiết kế các sáng kiến cộng đồng do Hội Liên hiệp Phụ nữ, tổ chức xã hội, nhà trường và chính quyền địa phương phối hợp triển khai có thể góp phần đưa các chính sách về GDGD đến gần hơn với thực tiễn. Điều này không chỉ giúp phụ nữ được phát huy tiềm năng mà còn góp phần nâng cao chất lượng đời sống gia đình, thúc đẩy bình đẳng giới và phát triển cộng đồng một cách bền vững từ gốc rễ.

Do mỗi quốc gia có bối cảnh kinh tế-xã hội, truyền thống văn hóa và điều kiện thể chế khác nhau, việc tham khảo kinh nghiệm quốc tế cần được thực hiện có chọn lọc, phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Việt Nam là quốc gia có sự đa dạng về dân tộc, vùng miền, điều kiện sinh kế và mô hình gia đình; vì vậy, không nên áp dụng một cách đồng nhất các mô hình hỗ trợ phụ nữ trong GDGD.

Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các chương trình truyền thông, tập huấn và hỗ trợ cha mẹ cần tính đến đặc điểm địa lý, ngôn ngữ sử dụng, trình độ học vấn, phong tục tập quán và thói quen sinh hoạt của cộng đồng. Đối với phụ nữ lao động di cư, phụ nữ làm việc theo ca kíp hoặc phụ nữ trong khu vực phi chính thức, cách thức tiếp cận cần linh hoạt về thời gian, địa điểm và hình thức hỗ trợ.

5. Kết luận

GDGD là nền tảng thiết yếu góp phần hình thành nhân cách, giá trị và năng lực của mỗi cá nhân, từ đó ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển bền vững của xã hội. Trong quá trình này, phụ nữ giữ vai trò đặc biệt quan trọng, không chỉ với tư cách là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con cái, mà còn là chủ thể lan tỏa giá trị văn hóa, đạo đức và tri thức trong gia đình. Thông qua việc khảo cứu kinh nghiệm của một số quốc gia tiêu biểu trên thế giới như Thụy Điển, Na Uy, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Canada, Ethiopia và Nam Phi, bài viết đã làm rõ các mô hình, chính sách và chiến lược khác nhau trong việc thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong GDGD. Các quốc gia này, dù có bối cảnh lịch sử, văn hóa, chính trị và trình độ phát triển khác nhau, đều khẳng định một điểm chung: việc phát huy vai trò của phụ nữ trong GDGD cần được đặt trong mối quan hệ tương hỗ giữa chính sách nhà nước, nhận thức xã hội và sự đồng thuận của cộng đồng.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, việc tham khảo và vận dụng linh hoạt những bài học quốc tế trong thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong GDGD là một hướng đi cần thiết, phù hợp và mang lại nhiều triển vọng cho Việt Nam. Quan trọng hơn, đây không chỉ là vấn đề về giới hay giáo dục, mà còn là nền tảng cho sự phát triển hài hòa và nhân văn của xã hội, thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước.

Tài liệu tham khảo

1. Cabinet Office (Government of Japan). (2021). *The Fifth Basic Plan for Gender Equality*. https://www.gender.go.jp/english_contents/about_danjo/whitepaper/pdf/5th_bpg.pdf
2. Ceka, A., & Murati, R. (2016). The Role of Parents in the Education of Children. *Journal of Education and Practice*, 7(5), 61-64.
3. Choi, E. (1994). Status of the Family and Motherhood for Korean Women. In *Women of Japan and Korea: Continuity and Change*. Edited by Joyce Gelb and Marian Lief Palley, 189-205. Temple University Press. Philadelphia.
4. Crivello, G., Boyden, J., & Pankhurst, A. (2019). Motherhood in Childhood: Generational Change in Ethiopia. *Feminist Encounters: A Journal of Critical Studies in Culture and Politics*, 3(1-2), 12.
5. Duggan, M., Lenhart, A., Lampe, C., & Ellison, N. B. (2015). Parents and Social Media. Pew Research Center. <https://www.pewresearch.org/internet/2015/07/16/parents-and-social-media/>
6. Erulkar, A. (2013). Early Marriage, Marital Relations and Intimate Partner Violence in Ethiopia. *International Perspectives on Sexual and Reproductive Health*, 39(1), 6-13.
7. European Commission. (2025). Early Childhood and School Education Funding: Norway. <https://eurydice.eacea.ec.europa.eu/euryperia/norway/early-childhood-and-school-education-funding>
8. Försäkringskassan. (2025). *Parental leave*. <https://www.forsakringskassan.se/english/parents/when-the-child-is-born/parental-benefit>
9. Gao, F. (2023). *Roles of Contemporary Chinese, Japanese, and Korean Women*. <https://www.ewadirect.com/proceedings/chr/article/view/9190/pdf>
10. Gebrehiwot, T. (2014). Indigenous Moral Education in Ethiopia: A Case Study of Oromo Folktales. *International Journal of Humanities and Social Science*, 4(8), 121-128.
11. Gender Equality Bureau Cabinet Office (Government of Japan). (2024). *Current Status and Challenges of Gender Equality in Japan*. https://www.gender.go.jp/english_contents/pr_act/pub/status_challenges/pdf/202205.pdf
12. Glatz, T., Alsarve, J., Daneback, K., & Sorbring, E. (2023). An Examination of Parents' Online Activities and Links to Demographic Characteristics among Parents in Sweden. *Journal of Family Social Work*, 26(1), 45-66. <https://doi.org/10.1080/10522158.2023.2197958>

13. Hoàng Thị Giang. (2024). Phát huy vai trò của gia đình trong giáo dục đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ trong bối cảnh hiện nay. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, số 2(315), tr.150-152.
14. Kvande, E., & Bungum, B. (2025). Parental leave in Norway. In *Paid parental leave and social sustainability in the Nordic countries*. Nordic Co-operation. <https://pub.norden.org/temanord2025-547/parental-leave-in-norway.html>
15. Letseka, M. (2012). In Defense of Ubuntu. *Studies in Philosophy and Education*, 31(1), 47-60.
16. Meintjes, H., & K. Hall. (2013). *Demography of South Africa's Children*. Children's Institute, University of Cape Town. Cape Town.
17. Ministry of Foreign Affairs of Japan. (n.d). Family Life and Working Life: Family Responsibility. <https://www.mofa.go.jp/policy/women/3.html>
18. Ministry of Foreign Affairs of the Republic of Korea. (2015). Korea's Work-Life Balance Policies for Sustainable Growth. https://overseas.mofa.go.kr/eng/brd/m_5463/view.do?seq=315477&multi_itm_seq=0&itm_seq_1=0&itm_seq_2=0
19. Ministry of Gender Equality and Family. (n.d). Major Statistics of MOGEF. https://www.mogef.go.kr/eng/lw/eng_lw_f002.do.
20. Ministry of Gender Equality and Family. (2024). Capture special moments of your childcare together! https://www.mogef.go.kr/eng/pr/eng_pr_s101d.do?bbtSn=710047&mid=eng001&utm
21. Norwegian Directorate for Children, Youth and Family Affairs. (n.d.-a). Parental guidance. <https://www.bufdir.no/en/family-counselling-services/parental-guidance/>
22. OECD. (2025). Paid leave for fathers. https://www.oecd.org/en/publications/paid-leave-for-fathers_07442bed-en/full-report.html
23. Putnick, D. L., Bornstein, M. H., Lansford, J. E., Chang, L., Deater-Deckard, K., Di Giunta, L., Gurdal, S., Dodge, K. A., Malone, P. S., Oburu, P. O., Pastorelli, C., Skinner, A. T., Sorbring, E., Tapanya, S., Tirado, L. M. U., Zelli, A., Alampay, L. P., Al-Hassan, S. M., Bacchini, & Bombi, A. S. (2012). Agreement in Mother and Father Acceptance-Rejection, Warmth, and Hostility/Rejection/Neglect of Children across Nine Countries. *Cross-Cultural Research*, 46(3), 191-223. <https://doi.org/10.1177/1069397112440931>
24. Richter, L., & R. Morrell. (2006). *Baba: Men and Fatherhood in South Africa*. HSRC Press. Cape Town.
25. Shaw, A. (2021). Read, Speak, Sing: Promoting Early Literacy in the Health Care Setting. *Paediatrics & Child Health*, 26(3), 182-188. <https://doi.org/10.1093/pch/pxab005>
26. Soudien, C. (2007). The "A" Factor: Coming to Terms with the Question of Legacy in South African Education. *International Journal of Educational Development*, 27(2), 182-193.
27. Sweden Sverige. (2024). Equal Power and Influence for Women and Men - That's What Sweden Is Aiming For. <https://sweden.se/life/equality/gender-equality>
28. Sweden Sverige. (2025). Imagine a fulfilling career while enjoying the life you love. In Sweden, it's possible. <https://sweden.se/work-business/working-in-sweden/work-life-balance>
29. UNICEF North Macedonia. (2018). Parenting Is Also Learned Campaign Launched to Help Parents Raise Happy, Healthy & Smart Children. <https://www.unicef.org/northmacedonia/press-releases/parenting-also-learned-campaign-launched-help-parents-raise-happy-healthy-and-smart>
30. Wagner, M., Spiker, D., & Linn, M. I. (2002). The Effectiveness of the Parents as Teachers Program with Low-Income Parents and Children. *Topics in Early Childhood Special Education*, 22(2), 67-81.